TỔNG HỢP TÌNH HÌNH CUNG ỨNG CÁC GÓI THẦU MSTT THUỐC 2019 (đến 30/06/2019)
GÓI THẦU SỐ 3-VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Công văn số 1099/SYT-NVD ngày 16/07/2019 của Sở Y tế)

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
1	**A001**	A giao	Colla Corii Asini	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
2	**A002**	Ba kích	Radix Morindae officinalis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	496	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	138,000	17,000	121,000	12
3	**A003**	Bá tử nhân	Semen Platycladi orientalis	Bắc	30/2017/TT-BYT	2136/BYT-YDCT	Gam	640	Công ty CP Dược phẩm Trường Thọ	77,500	0	77,500	0
4	**A004**	Bạc hà	Herba Menthae	Nam	TCCS		Gam	90	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	4,000	2,000	2,000	50
5	**A005**	Bạch biển đậu	Semen Lablab	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	86	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	40,000	15,000	25,000	38
6	**A006**	Bách bộ	Radix Stemonae tuberosae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	120	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	6,500	1,000	5,500	15
7	**A007**	Bạch chỉ	Radix Angelicae dahuricae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	114	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	168,000	30,000	138,000	18
8	**A008**	Bạch hoa xà thiệt thảo	Herba Hedyotidis diffusae	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
9	**A009**	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Poria	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	183	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	735,000	121,000	614,000	16
10	**A010**	Bạch thược	Radix Paeoniae lactiflorae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	182	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	905,000	179,000	726,000	20
11	**A011**	Bạch truật	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Bắc	30/2017/TT-BYT	2136/BYT-YDCT VD-20259-13	Gam	230	Công ty CP Dược phẩm Trường Thọ	441,000	85,000	356,000	19
12	**A012**	Bán chi liên	Radix Scutellariae barbatae	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
13	**A013**	Bán hạ bắc	Rhizoma Pinelliae	Bắc	TCCS		Gam		Không dự thầu		0	0	
14	**A014**	Bán hạ nam (Củ chóc)	Rhizoma Typhonii trilobati	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	160	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	78,000	6,000	72,000	8
15	**A015**	Bình lang	Semen Arecae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	115	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	3,000	0	3,000	0
16	**A016**	Bình vôi (Ngải tượng)	Tuber Stephaniae	Nam	DĐVN IV		Gam	94	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	34,000	4,000	30,000	12
17	**A017**	Bồ công anh	Herba Lactucae indicae	Nam	DĐVN IV		Gam	83	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	46,000	0	46,000	0
18	**A018**	Cà gai leo	Herba Solani procumbensis	Nam	TCCS		Gam	125	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	145,000	6,000	139,000	4

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
19	**A019**	Cam thảo	Radix Glycyrrhizae	Bắc	30/2017/TT-BYT	261/YDCT-QLD	Gam	240	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	489,000	105,000	384,000	21
20	**A020**	Can khương	Rhizoma Zingiberis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	111	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	47,000	4,000	43,000	9
21	**A021**	Cát căn	Radix Puerariae thomsonii	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	69	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	303,000	34,000	269,000	11
22	**A022**	Cát cánh	Radix Platycodi grandiflori	Bắc	30/2017/TT-BYT	2136/BYT-YDCT	Gam	260	Công ty CP Dược phẩm Trường Thọ	61,500	15,000	46,500	24
23	**A023**	Câu đằng	Ramulus cum unco Uncariae	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	466	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	208,000	21,000	187,000	10
24	**A024**	Câu kỷ tử	Fructus Lycii	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	240	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	409,000	51,000	358,000	12
25	**A025**	Cẩu tích	Rhizoma Cibotii	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	55	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	587,000	73,000	514,000	12
26	**A026**	Chỉ thực	Fructus Aurantii immaturus	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	90	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	31,000	3,000	28,000	10
27	**A027**	Chi tử	Fructus Gardeniae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	120	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	53,000	4,000	49,000	8
28	**A028**	Chỉ xác	Fructus Aurantii	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	78	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	85,000	5,000	80,000	6
29	**A029**	Cỏ ngọt	Herba Steviae	Nam	DĐVN IV		Gam	90	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	12,000	500	11,500	4
30	**A030**	Cối xay	Herba Abutili indici	Nam	DĐVN IV		Gam	67	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	216,000	45,000	171,000	21
31	**A031**	Cốt khí củ	Radix Polygoni cuspidati	Nam	DĐVN IV		Gam	125	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	124,000	0	124,000	0
32	**A032**	Cốt toái bổ	Rhizoma Drynariae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	93	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	682,000	121,000	561,000	18
33	**A033**	Cúc hoa	Flos Chrysanthemi indici	Nam	DĐVN IV		Gam	455	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	122,000	18,000	104,000	15
34	**A034**	Dạ cẩm	Herba Hedyotidis capitellatae	Nam	DĐVN IV		Gam	69	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	114,000	7,000	107,000	6
35	**A035**	Đại hoàng	Rhizoma Rhei	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	185	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	16,000	0	16,000	0
36	**A036**	Đại hồi	Fructus Illicii veri	Nam	DĐVN IV		Gam	150	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	86,000	0	86,000	0
37	**A037**	Đại táo	Fructus Ziziphi jujubae	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	99	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	691,000	137,000	554,000	20
38	**A038**	Dâm dương hoắc	Herba Epimedii	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	400	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	36,000	8,000	28,000	22
39	**A039**	Đan sâm	Radix Salviae miltiorrhizae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	240	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	717,000	121,000	596,000	17

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
40	**A040**	Đảng sâm	Radix Codonopsis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	426	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	1,107,000	216,000	891,000	20
41	**A041**	Đăng tâm thảo	Medulla Junci effusi	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	1,500	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	500	500	0	100
42	**A042**	Đào nhân	Semen Pruni	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	461	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	239,000	35,000	204,000	15
43	**A043**	Dây đau xương	Caulis Tinosporae tomentosae	Nam	TCCS		Gam	45	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	606,000	126,000	480,000	21
44	**A044**	Địa cốt bì	Cortex Lycii chinensis	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	315	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	32,000	0	32,000	0
45	**A045**	Địa du	Radix Sanguisorbae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	160	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	15,000	0	15,000	0
46	**A046**	Địa long	Pheretima	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	1,321	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	92,000	7,000	85,000	8
47	**A047**	Diệp hạ châu	Herba Phyllanthi urinariae	Nam	DĐVN IV		Gam	59	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	100,000	4,000	96,000	4
48	**A048**	Diệp hạ châu đắng	Herba Phyllanthi amari	Nam	DĐVN IV		Gam	65	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	18,000	1,000	17,000	6
49	**A049**	Đinh hương	Flos Syzygii aromatici	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	507	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	130,000	7,000	123,000	5
50	**A050**	Đinh lăng	Radix Polysciacis	Nam	DĐVN IV		Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
51	**A051**	Đỗ trọng	Cortex Eucommiae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	145	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	868,000	177,000	691,000	20
52	**A052**	Độc hoạt	Radix Angelicae pubescentis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	179	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	561,000	89,000	472,000	16
53	**A053**	Đương quy (Toàn quy)	Radix Angelicae sinensis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	390	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	1,237,000	230,000	1,007,000	19
54	**A054**	Giảo cổ lam	Herba Gynostemmae pentaphylli	Nam	DĐVN IV		Gam	119	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	37,000	0	37,000	0
55	**A055**	Hạ khô thảo	Spica Prunellae	Bắc	TCCS	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	210	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	39,000	0	39,000	0
56	**A056**	Hà thủ ô đỏ	Radix Fallopiae multiflorae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	188	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	617,000	130,000	487,000	21
57	**A057**	Hạnh nhân	Semen Armeniacae amarum	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	280	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	6,000	2,000	4,000	33
58	**A058**	Hậu phác	Cortex Magnoliae officinali	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	170	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	61,000	5,000	56,000	8

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
59	**A059**	Hậu phác nam	Cortex Cinnamomi iners	Nam	DĐVN IV		Gam	65	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	25,000	1,500	23,500	6
60	**A060**	Hoài sơn	Tuber Dioscoreae persimilis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	99	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	340,000	32,000	308,000	9
61	**A061**	Hoàng bá	Cortex Phellodendri	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	271	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	43,000	7,000	36,000	16
62	**A062**	Hoàng cầm	Radix Scutellariae	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	286	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	48,000	1,000	47,000	2
63	**A063**	Hoàng đằng	Caulis et Radix Fibraureae	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	137	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	51,000	8,000	43,000	16
64	**A064**	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Radix Astragali membranacei	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	198	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	932,000	206,000	726,000	22
65	**A065**	Hoàng liên	Rhizoma Coptidis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	890	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	20,000	3,000	17,000	15
66	**A066**	Hoàng tinh	Rhizoma Polygonati	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
67	**A067**	Hoạt thạch	Talcum	Nam	DĐVN IV		Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
68	**A068**	Hòe hoa	Flos Styphnolobii japonici	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	144	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	81,000	13,000	68,000	16
69	**A069**	Hồng hoa	Flos Carthami tinctorii	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	708	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	188,000	47,000	141,000	25
70	**A070**	Hương phụ	Rhizoma Cyperi	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	95	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	139,000	18,000	121,000	13
71	**A071**	Huyền hồ	Tuber Corydalis	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	540	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	7,000	3,000	4,000	43
72	**A072**	Huyền sâm	Radix Scrophulariae	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	148	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	94,000	14,000	80,000	15
73	**A073**	Huyết giác	Lignum Dracaenae cambodianae	Nam	DĐVN IV		Gam	138	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	116,000	7,000	109,000	6
74	**A074**	Hy thiêm	Herba Siegesbeckiae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	67	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	223,000	18,000	205,000	8
75	**A075**	Ích mẫu	Herba Leonuri japonici	Nam	DĐVN IV		Gam	50	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	51,000	0	51,000	0

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
76	**A076**	Ích trí nhân	Fructus Alpiniae oxyphyllae	Bắc	TCCS	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	582	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	58,000	5,000	53,000	9
77	**A077**	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Fructus Xanthii strumarii	Nam	DĐVN IV		Gam	92	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	93,000	5,500	87,500	6
78	**A078**	Kê huyết đằng	Caulis Spatholobi	Nam	DĐVN IV		Gam	44	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	921,000	171,000	750,000	19
79	**A079**	Kê nội kim	Endothelium Corneum Gigeriae Galli	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	80	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	40,000	4,000	36,000	10
80	**A080**	Kha tử	Fructus Terminaliae chebulae	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	220	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	13,000	0	13,000	0
81	**A081**	Khiếm thực	Semen Euryales	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	390	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	6,500	3,000	3,500	46
82	**A082**	Khổ qua	Fructus Momordicae charantiae	Nam	TCCS		Gam	140	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	53,000	10,000	43,000	19
83	**A083**	Khổ sâm	Folium et Ramulus Crotonis tonkinensis	Nam	TCCS		Gam	62	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	4,000	1,000	3,000	25
84	**A084**	Khương hoàng/Uất kim	Rhizoma et Radix Curcumae longae	Nam	DĐVN IV		Gam	109	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	93,000	16,000	77,000	17
85	**A085**	Khương hoạt	Rhizoma et Radix Notopterygii	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	1,054	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	242,000	51,000	191,000	21
86	**A086**	Kim anh	Fructus Rosae laevigatae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	295	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	5,000	2,000	3,000	40
87	**A087**	Kim ngân hoa	Flos Lonicerae	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	840	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	117,000	14,000	103,000	12
88	**A088**	Kim tiền thảo	Herba Desmodii styracifolii	Nam	DĐVN IV		Gam	65	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	128,000	5,000	123,000	4
89	**A089**	Kinh giới	Herba Elsholziae ciliatae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	120	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	16,000	1,000	15,000	6
90	**A090**	Lá khôi	Folium Ardisiae	Nam	TCCS		Gam	300	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	44,000	9,000	35,000	20
91	**A091**	Lạc tiên	Herba Passiflorae	Nam	DĐVN IV		Gam	45	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	257,000	64,000	193,000	25
92	**A092**	Liên kiều	Fructus Forsythiae	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	377	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	28,000	2,500	25,500	9
93	**A093**	Liên nhục	Semen Nelumbinis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	94	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	364,000	77,000	287,000	21
94	**A094**	Liên tâm	Embryo Nelumbinis nuciferae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	208	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	20,000	2,000	18,000	10

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
95	**A095**	Long đởm thảo	Radix et R hizoma Gentianae	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	425	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	12,000	0	12,000	0
96	**A096**	Long nhãn	Arillus Longan	Nam	DĐVN IV		Gam	216	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	245,000	70,000	175,000	29
97	**A097**	Lục thần khúc	Massa medicata fermentata	Nam	TCCS		Gam		Trượt thầu (Vượt giá KH)		0	0	
98	**A098**	Ma hoàng	Herba Ephedrae	Bắc	30/2017/TT-BYT		Gam		Không dự thầu		0	0	
99	**A099**	Mạch môn	Radix Ophiopogonis japonici	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	465	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	112,000	12,000	100,000	11
100	**A100**	Mạch nha	Fructus Hordei germinatus	Bắc - Nam	TCCS		Gam	165	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	11,000	0	11,000	0
101	**A101**	Mạn kinh tử	Fructus Viticis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	92	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	60,000	6,000	54,000	10
102	**A102**	Mẫu đơn bì	Cortex Paeoniae suffruticosae	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	223	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	112,000	20,000	92,000	18
103	**A103**	Mẫu lệ	Concha Ostreae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	64	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	34,000	0	34,000	0
104	**A104**	Mộc hương	Radix Saussureae lappae	Bắc	DĐVN IV		Gam		Không dự thầu		0	0	
105	**A105**	Mộc qua	Fructus Chaenomelis speciosae	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	190	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	86,000	6,000	80,000	7
106	**A106**	Mộc thông	Caulis Clematidis	Nam	DĐVN IV		Gam	35	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	28,000	2,000	26,000	7
107	**A107**	Một dược	Myrrha	Bắc	DĐVN IV		Gam		Không dự thầu		0	0	
108	**A108**	Nga truật	Rhizoma Curcumae zedoariae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	90	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	13,000	0	13,000	0
109	**A109**	Ngải cứu	Herba Artemisiae vulgaris	N	TCCS		Gam	50	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	100,000	0	100,000	0
110	**A110**	Ngô thù du	Fructus Evodiae rutaecarpae	Bắc - Nam	30/2017/TT-BYT		Gam		Không dự thầu		0	0	
111	**A111**	Ngọc trúc	Rhizoma Polygonati odorati	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	289	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	48,500	16,000	32,500	33
112	**A112**	Ngũ gia bì chân chim	Cortex Schefflerae heptaphyllae	Nam	DĐVN IV		Gam	52	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	217,000	20,000	197,000	9
113	**A113**	Ngũ vị tử	Fructus Schisandrae	Bắc	30/2017/TT-BYT	1773/BYT-YDCT	Gam	341	Công ty CP Dược TW Mediplantex	55,000	23,000	32,000	42
114	**A114**	Ngưu bàng tử	Fructus Arctii lappae	Bắc	30/2017/TT-BYT	1773/BYT-YDCT	Gam	281	Công ty CP Dược TW Mediplantex	12,000	500	11,500	4
115	**A115**	Ngưu tất	Radix Achyranthis bidentatae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	168	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	780,000	128,000	652,000	16
116	**A116**	Nhân trần	Herba Adenosmatis caerulei	Nam	DĐVN IV		Gam	55	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	61,000	3,000	58,000	5

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
117	**A117**	Nhũ hương	Gummi resina Olibanum	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	280	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	31,000	15,000	16,000	48
118	**A118**	Nhục thung dung	Herba Cistanches	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
119	**A119**	Ô dược	Radix Linderae	Nam	DĐVN IV		Gam	86	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	68,000	7,000	61,000	10
120	**A120**	Ô tặc cốt	Os Sepiae	Nam	TCCS		Gam	25	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	57,000	2,000	55,000	4
121	**A121**	Phá cố chỉ (Bổ cốt chỉ)	Fructus Psoraleae corylifoliae	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	109	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	61,000	2,000	59,000	3
122	**A122**	Phòng phong	Radix Saposhnikoviae divaricatae	Bắc	DĐVN IV	1773/BYT-YDCT	Gam	992	Công ty CP Dược TW Mediplantex	317,000	117,000	200,000	37
123	**A123**	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	Radix Aconiti lateralis praeparata Gốc	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	507	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	51,000	9,000	42,000	18
124	**A124**	Phục thần	Poria	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	400	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	123,000	22,000	101,000	18
125	**A125**	Qua lâu nhân	Semen Trichosanthis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	420	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	10,000	500	9,500	5
126	**A126**	Quế chi	Ramulus Cinnamomi	Nam	DĐVN IV		Gam	40	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	266,000	99,000	167,000	37
127	**A127**	Quế nhục	Cortex Cinnamomi	Nam	DĐVN IV		Gam	93	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	80,000	8,000	72,000	10
128	**A128**	Sa nhân	Fructus Amomi	Nam	DĐVN IV		Gam	522	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	78,500	7,000	71,500	9
129	**A129**	Sa sâm	Radix Glehniae	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	412	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	38,000	7,000	31,000	18
130	**A130**	Sài hồ	Radix Bupleuri	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	544	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	172,000	16,000	156,000	9
131	**A131**	Sinh địa	Radix Rehmanniae glutinosae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	136	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	209,000	70,000	139,000	33
132	**A132**	Sinh khương	Rhizoma Zingiberis recens	Nam	DĐVN IV		Gam	45	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	22,000	2,000	20,000	9
133	**A133**	Sơn thù	Fructus Corni officinalis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	286	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	182,000	27,000	155,000	15
134	**A134**	Sơn tra	Fructus Mali	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	88	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	86,000	9,500	76,500	11
135	**A135**	Tam thất	Radix Panasus notoginseng	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	2,394	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	20,000	4,000	16,000	20

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
136	**A136**	Tân di	Flos Magnoliae liliflorae	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	288	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	4,000	0	4,000	0
137	**A137**	Tần giao	Radix Gentianae macrophyllae	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	686	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	256,000	56,000	200,000	22
138	**A138**	Tang bạch bì	Cortex Mori albae radicis	Nam	TCCS		Gam	85	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	71,000	10,000	61,000	14
139	**A139**	Tang chi	Ramulus Mori albae	Nam	DĐVN IV		Gam	42	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	20,000	0	20,000	0
140	**A140**	Tang ký sinh	Herba Loranthi gracilifolii	Nam	TCCS		Gam	50	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	495,000	79,000	416,000	16
141	**A141**	Táo nhân	Semen Ziziphi mauritianae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	446	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	323,000	65,000	258,000	20
142	**A142**	Tế tân	Radix et Rhizoma Asari	Bắc	DĐVN IV	209/YDCT-QLD	Gam	486	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	70,000	15,000	55,000	21
143	**A143**	Thạch cao (sống) (dược	Gypsum fibrosum	Nam	DĐVN IV		Gam	45	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	17,000	0	17,000	0
144	**A144**	Thạch hộc	Herba Dendrobii	Bắc	TCCS		Gam		Không dự thầu		0	0	
145	**A145**	Thạch quyết minh	Concha Haliotidis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam		Trượt thầu (KT)		0	0	
146	**A146**	Thạch xương bồ	Rhizoma Acori graminei	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	89	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	64,000	8,000	56,000	13
147	**A147**	Thăng ma	Rhizoma Cimicifugae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	335	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	72,000	12,000	60,000	17
148	**A148**	Thanh bì	Pericarpium Citri reticulatae viridae	Nam	TCCS		Gam	140	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	5,000	1,000	4,000	20
149	**A149**	Thảo quả	Fructus Amomi aromatici	Nam	TCCS		Gam	338	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	75,000	11,500	63,500	15
150	**A150**	Thảo quyết minh	Semen Cassiae torae	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	49	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	58,000	17,000	41,000	29
151	**A151**	Thiên hoa phấn	Radix Trichosanthis	Bắc	TCCS	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	208	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	17,000	0	17,000	0
152	**A152**	Thiên ma	Rhizoma Gastrodiae elatae	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	1,352	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	117,000	13,000	104,000	11
153	**A153**	Thiên môn đông	Radix Asparagi cochinchinensis	Nam	DĐVN IV		Gam	600	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	43,000	3,000	40,000	7
154	**A154**	Thiên nam tinh	Rhizoma Arisaemae	Nam	TCCS		Gam	305	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	2,000	0	2,000	0
155	**A155**	Thiên niên kiện	Rhizoma Homalomenae occultae	Nam	TCCS		Gam	79	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	205,000	45,000	160,000	22

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
156	**A156**	Thổ phục linh	Rhizoma Smilacis glabrae	Nam	DĐVN IV		Gam	99	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	676,000	135,000	541,000	20
157	**A157**	Thỏ ty tử	Semen Cuscutae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	340	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	35,000	4,000	31,000	11
158	**A158**	Thông thảo	Medulla Tetrapanacis	Bắc	DĐVN IV		Gam		Không dự thầu		0	0	
159	**A159**	Thục địa	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	136	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	919,000	120,000	799,000	13
160	**A160**	Thương truật	Rhizoma Atractylodis	Bắc	30/2017/TT-BYT	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	441	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	119,000	12,000	107,000	10
161	**A161**	Thuyền thoái	Periostracum Cicadidae	Bắc	DĐVN IV		Gam		Không dự thầu		0	0	
162	**A162**	Tô mộc	Lignum sappan	Nam	DĐVN IV		Gam	59	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	231,000	17,000	214,000	7
163	**A163**	Tô tử	Fructus Perillae frutescensis	Nam	TCCS		Gam	95	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	1,000	500	500	50
164	**A164**	Toàn yết	Scorpio	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	6,000	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	500	0	500	0
165	**A165**	Trắc bách diệp	Cacumen Platycladi	Bắc	30/2017/TT-BYT		Gam		Không dự thầu		0	0	
166	**A166**	Trạch tả	Rhizoma Alismatis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	90	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	226,000	21,000	205,000	9
167	**A167**	Trần bì	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	84	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	108,000	36,000	72,000	33
168	**A168**	Tri mẫu	Rhizoma Anemarrhenae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	175	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	29,000	0	29,000	0
169	**A169**	Trinh nữ (Xấu hổ)	Herba Mimosae pudicae	Nam	TCCS		Gam	60	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	43,000	9,000	34,000	21
170	**A170**	Trinh nữ hoàng cung	Folium Crini latifolii	Nam	TCCS		Gam	110	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	35,000	0	35,000	0
171	**A171**	Tục đoạn	Radix Dipsaci	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	203	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	401,000	62,000	339,000	15
172	**A172**	Tỳ giải	Rhizoma Dioscoreae	Nam	DĐVN IV		Gam	73	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	187,000	29,000	158,000	16
173	**A173**	Uy linh tiên	Radix et Rhizoma Clematidis	Bắc	DĐVN IV	2136/BYT-YDCT	Gam	295	Công ty CP Dược phẩm Trường Thọ	181,000	41,000	140,000	23
174	**A174**	Viễn chí	Radix Polygalae	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	960	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	126,000	37,000	89,000	29
175	**A175**	Xà sàng tử	Fructus Cnidii	Nam	TCCS		Gam		Không dự thầu		0	0	
176	**A176**	Xa tiền tử	Semen Plantaginis	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	200	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	19,000	1,000	18,000	5

STT	Mã thuốc	Tên dược liêu/vị thuốc cổ truyền (bộ phận dùng)	Tên khoa học	Nguồn gốc	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến và tiêu chuẩn chất lượng	Số GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Nhà thầu trúng thầu	Tổng số phân bổ gốc	Tổng số đã cung ứng	Số lượng chưa cung ứng	Tỷ lệ cung ứng
177	**A177**	Xích thược	Radix Paeoniae	Bắc	DĐVN IV	6924/BYT-YCDT; 7349/BYT-YDCT	Gam	183	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	229,000	65,000	164,000	28
178	**A178**	Xuyên bối mẫu	Bulbus Fritillariae	Bắc	TCCS	209/YDCT-QLD	Gam	1,768	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	12,000	2,500	9,500	21
179	**A179**	Xuyên khung	Rhizoma Ligustici wallichii	Bắc	30/2017/TT-BYT	209/YDCT-QLD	Gam	166	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	657,000	133,000	524,000	20
180	**A180**	Ý dĩ	Semen Coicis	Nam	30/2017/TT-BYT		Gam	68	Công ty CP Dược phẩm Bắc Ninh	216,888	33,000	183,888	15
		Tổng cộng											